

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
06/7/2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) số 02-NQ/HNTW ngày 24 tháng 12 năm 1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (năm 1998) và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (năm 2002). Đồng thời, từng bước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao như: Quy chế Khu công nghệ cao (*Nghị định của Chính phủ; 2003*), Một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Khu công nghệ cao (*Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 2004*),... cùng nhiều nội dung ưu đãi có liên quan được quy định trong các luật chuyên ngành khác nhau.

Sự ra đời của Luật Công nghệ cao năm 2008 đã thể chế hóa các chính sách lớn về ứng dụng và phát triển công nghệ cao ở nước ta, trong đó việc thúc đẩy sự phát triển công nghệ cao được tập trung chủ yếu thông qua một số nhiệm vụ chủ chốt, trong đó có tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, thu hút các doanh nghiệp lớn về công

nghe cao trên thế giới, đảm đương vai trò đầu tàu về phát triển công nghệ cao, tạo hiệu ứng lan toả. Từ sau khi Luật Công nghệ cao ra đời đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã tiếp tục quyết định thành lập thêm Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (năm 2002) và Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (năm 2016)¹.

- Về phát triển hạ tầng kỹ thuật: Trong thời gian qua, các khu công nghệ cao về cơ bản đã được quan tâm tăng cường đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thuận lợi cho việc thu hút đầu tư².

- Về thu hút đầu tư: Đến thời điểm hiện tại, 03 Khu công nghệ cao quốc gia đã thu hút được 286 dự án đầu tư còn hiệu lực trong đó khoảng ¼ là các dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 13 tỷ USD³. Đến nay, 03 Khu Công nghệ cao quốc gia đã thu hút thành công nhiều tập đoàn lớn, uy tín trên thế giới và trong nước tới đầu tư dự án vào/trong khu công nghệ cao như: Intel, Samsung, Nidec, Hanwha, Jabil, Datalogics, Sonion, Viettel, FPT, VNPT, Vingroup

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khu công nghệ cao: Tổng giá trị sản xuất năm 2019 đạt gần 20 tỷ USD. Năm 2020 mặc dù có ảnh hưởng COVID-19 nhưng giá trị sản xuất vẫn đạt được hơn 21 tỷ USD cả năm⁴.

Trong những năm qua, các khu công nghệ cao cũng đã rất quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, tạo dựng môi trường thuận lợi cho các

¹ Trong các khu công nghệ cao nêu trên, 03 khu công nghệ cao gồm: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng là các khu công nghệ cao được định hướng phát triển theo đầy đủ các lĩnh vực công nghệ ưu tiên quy định tại Luật Công nghệ cao, có quy mô diện tích và vốn đầu tư lớn, có sử dụng một tỷ lệ vốn ngân sách Trung ương nhất định trong đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Riêng Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai là khu công nghệ cao có tính chất chuyên ngành, tập trung theo 01 lĩnh vực ưu tiên là công nghệ sinh học và được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn vốn ngân sách địa phương.

² Về phát triển hạ tầng kỹ thuật:

+ Dự án phát triển hạ tầng chính Khu Công nghệ cao Hòa Lạc sử dụng vốn vay ODA của Nhật đến nay cơ bản đã hoàn thành, đang hoàn thiện các công tác nghiệm thu; Ban Quản lý đang rà soát, lập phương án đề xuất đối với phần hạ tầng còn lại đặc biệt đối với khu chức năng công nghiệp công nghệ cao 2.

+ Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã xây dựng hoàn chỉnh cơ bản kết cấu hạ tầng và khép kín về đường giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, viễn thông - Internet và một số công trình hạ tầng khác đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, phục vụ sản xuất sản phẩm công nghệ cao và hoạt động chung của khu công nghệ cao.

+ Khu CNC Đà Nẵng cơ bản hoàn thành thi công các hạng mục giai đoạn I và giai đoạn II; đang triển khai các hạng mục đầu tư giai đoạn III. Đã hoàn thành xây dựng cụm tòa nhà hành chính điều hành khu khang trang.

³ Về thu hút đầu tư:

+ Khu Công nghệ cao Hòa Lạc: 98 dự án, tổng vốn 96.125 tỷ đồng (hơn 4 tỷ USD);

+ Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh: 164 dự án, tổng vốn 8,4 tỷ USD;

+ Khu Công nghệ cao Đà Nẵng: 24 dự án, tổng vốn khoảng hơn 800 triệu USD.

⁴ Ước tính giá trị sản xuất 06 tháng đầu năm 2021 của Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh đạt 11,237 tỷ USD, tăng 50,8% so với cùng kỳ và đạt 44,9% so với kế hoạch đề ra; giá trị xuất khẩu đạt 10,459 tỷ USD, tăng 50,6% và giá trị nhập khẩu đạt 9,274 tỷ USD, tăng 55,1% so với cùng kỳ. Lũy kế đến nay, ước tính giá trị sản xuất sản phẩm của khu công nghệ cao đạt 96,655 tỷ USD, giá trị xuất khẩu đạt 90,879 tỷ USD và giá trị nhập khẩu đạt 82,060 tỷ USD.

hoạt động R&D, đào tạo nhân lực công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và khởi nghiệp. Đồng thời, các khu công nghệ cao luôn khuyến khích các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu tăng cường triển khai các hoạt động R&D, khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Trung tâm R&D. Mô hình đầu tư cho R&D, thúc đẩy nghiên cứu, thương mại hóa sản phẩm R&D chủ yếu trông cậy vào nguồn ngân sách nhà nước đang dần thay thế bởi mô hình mới tại khu công nghệ cao, đặc biệt là Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, trong đó kinh phí đầu tư cho R&D và thương mại hóa sản phẩm mới chủ yếu từ doanh nghiệp bỏ ra. Hiện nay, số người lao động và học tập trong 03 Khu công nghệ cao quốc gia là trên 70 nghìn người.

Bên cạnh mô hình khu công nghệ cao nêu trên, Việt Nam cũng đã và đang phát triển mô hình khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao*), mô hình khu công nghệ thông tin tập trung (*quy định tại Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 154/2013/NĐ-CP về khu công nghệ thông tin tập trung*). Ngoài ra, nhiều địa phương trong cả nước cũng đã tự đầu tư xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thành lập vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cả nước cũng có một số khu công nghệ thông tin tập trung ở các thành phố lớn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận theo Nghị định số 154/2013/NĐ-CP. Nhiều khu công nghệ thông tin tập trung đã đi vào hoạt động tương đối hiệu quả, trong khi đó hầu hết các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang ở giai đoạn đầu của quá trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư.

Sự ra đời của các khu công nghệ cao trong cả nước đã cụ thể hóa chủ trương của Đảng về xây dựng một số khu công nghệ cao nhằm tạo môi trường thuận lợi để tập trung thu hút đầu tư công nghệ cao từ nước ngoài, đặc biệt từ các tập đoàn đa quốc gia; huy động các nguồn lực về khoa học và công nghệ trên cơ sở thu hút, tập hợp lực lượng trí thức khoa học và công nghệ trong cả nước, trí thức Việt kiều và các nhà khoa học nước ngoài trong nghiên cứu, sáng tạo và chuyển giao công nghệ vào sản xuất; kết hợp có hiệu quả giữa sản xuất với nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ cao và thu hút đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao.

Ở thời điểm mới thành lập, hoạt động của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Quy chế Khu công nghệ cao tại Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao. Quy chế này sau đó được thay thế bằng Quy chế khu công nghệ cao ban hành theo

Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ. Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ra đời làm cơ sở để Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 53/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2004 về một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Khu công nghệ cao; xây dựng và ban hành Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”.

Sau khi Luật Công nghệ cao ra đời (năm 2008) và có hiệu lực, nhiều khái niệm, quy định liên quan đến công nghệ cao, khu công nghệ cao đã được luật hóa. Đồng thời, các pháp luật chuyên ngành về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế,... đều đã được xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan, quy chế khu công nghệ cao chưa được xây dựng mới và ban hành để thay thế quy chế theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ vẫn là văn bản trực tiếp quy định về quy chế khu công nghệ cao.

Ở thời điểm hiện tại, quy chế khu công nghệ cao theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP cũng như các văn bản được xây dựng, ban hành để hướng dẫn nghị định đã quá lỗi thời, có nhiều điểm không còn phù hợp và không theo kịp với thực tiễn phát triển của các khu công nghệ cao trong cả nước. Một số bất cập chính trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước có thể tổng hợp như sau:

- Về cơ bản, rất nhiều quy định tại Nghị định số 99/2003/NĐ-CP bị phủ hoặc bị hết hiệu lực do các quy định mới của pháp luật chuyên ngành như: quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế...

- Về mô hình tổ chức và hoạt động, có sự bất cân xứng về vị trí pháp lý và quy chế hoạt động giữa các khu công nghệ cao nảy sinh từ thực tiễn thành lập (ở các thời điểm khác nhau), xây dựng và quản lý vận hành khu công nghệ cao với các mô hình không có sự thống nhất chung.

- Về thẩm quyền của cơ quan quản lý khu công nghệ cao, hiện nay, Ban Quản lý khu công nghệ cao chưa có đầy đủ thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhằm đẩy nhanh sự phát triển khu công nghệ cao, đặc biệt khi phải chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn khu công nghệ cao, bao gồm: quy hoạch, xây dựng, môi trường, đầu tư, lao động, an ninh trật tự ... Ban Quản lý mới được một số Bộ, ngành, địa phương ủy quyền trên một

số mặt nên công tác quản lý chưa toàn diện, chưa thực hiện được cơ chế một cửa trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

- Về thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao, hoạt động thu hút đầu tư gặp những hạn chế nhất định do thiếu tiêu chí thu hút đầy đủ đối với từng loại hình dự án được phép đầu tư vào khu công nghệ cao. Hiện nay, các Ban Quản lý khu công nghệ cao đang phải vận dụng lồng ghép các tiêu chí khác nhau quy định với các loại hình dự án có sự tương đồng.

- Các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ cao từ trước đây không còn phù hợp, đặc biệt sau khi một số Luật chuyên ngành ra đời và/hoặc được sửa đổi, bổ sung, cập nhật thì các ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Thiếu quy định cụ thể về điều kiện, trình tự và thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gây khó khăn cho địa phương trong việc đề xuất cũng như cơ quan quản lý nhà nước trong việc xử lý hồ sơ.

Gần đây, để giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước, căn cứ những vấn đề có tính chất đặc thù đối với từng khu công nghệ cao khác nhau, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách riêng đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (*Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017*) và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (*Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018*). Tuy nhiên, việc xây dựng các Nghị định đặc thù chỉ được xem là giải pháp tình thế nhằm giải quyết một số vấn đề riêng đối với một khu công nghệ cao cụ thể, không giải quyết được những hạn chế, vướng mắc trong công tác xây dựng, vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước nói chung.

Như vậy, qua một thời gian dài thực hiện Nghị định số 99/2003/NĐ-CP, đặc biệt là sau khi Luật Công nghệ cao ra đời, đã nảy sinh rất nhiều vấn đề bất cập từ thực tiễn triển khai cũng như phát sinh những đòi hỏi mới từ chính thực tiễn. Đây là những luận cứ quan trọng để Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng nghị định quy định về khu công nghệ cao và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ và cơ quan liên quan triển khai xây dựng dự thảo nghị định, trình Chính phủ (*Tờ trình số 4107/TTr-BKHCN ngày 23 tháng 12 năm 2019*).

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định, Chính phủ đã thông qua đề nghị xây dựng nghị định và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với

các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, trình Chính phủ trong tháng 12/2020 (*Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ*). Để phù hợp với yêu cầu thực tiễn, trên cơ sở đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo Chính phủ đồng ý lùi thời hạn trình tới Quý IV/2021 để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành có liên quan đang được sửa đổi, bổ sung, cập nhật (*Công văn số 10868/VPCP-KGVX ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ*). Như vậy, việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ cao nhằm tạo khung pháp lý cho hoạt động của khu công nghệ cao là cần thiết và rất cấp thiết.

II. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ cao, khu công nghệ cao; bám sát quy định tại Luật Công nghệ cao; kế thừa những quy định còn phù hợp với quy định của pháp luật của các nghị định đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng.

3. Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Phù hợp với: định hướng Đảng, của Chính phủ về thúc đẩy phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ được ưu tiên nói chung và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao nói riêng; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và xu thế phát triển chung của thế giới; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển các khu công nghệ cao.

6. Các quy định có tính khả thi cao và ổn định; đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản

quy phạm pháp luật. Theo đó, do Luật Công nghệ cao không giao Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, việc xây dựng dự thảo Nghị định này được thực hiện theo 2 bước, cụ thể như sau:

1. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, trình Chính phủ

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì lập Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định quy định về khu công nghệ cao (*bao gồm các dự thảo: Tờ trình Chính phủ, Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, và Đề cương dự thảo nghị định*), gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan gồm: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Nội vụ, Tư pháp; các địa phương liên quan gồm: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Cần Thơ, Bình Dương, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh; gửi đăng Hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của 09/16 Bộ và 01 địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì giải trình tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Hồ sơ, gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số 255/BCTĐ-BTP ngày 05 tháng 12 năm 2019, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định.

- Trên cơ sở Tờ trình số 4107/TTr-BKH-CN ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Chính phủ đã thông qua đề nghị xây dựng nghị định và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, trình Chính phủ trong tháng 12/2020 (*Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020*).

2. Xây dựng dự thảo Nghị định

Tổ chức soạn thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện các nội dung, bao gồm:

- Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan theo Quyết định số 1602/QĐ-BKH-CN ngày 15 tháng 6 năm 2020.

- Rà soát, đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đang có hiệu lực thi hành; tích cực tham gia cùng các bộ, ngành trong quá trình tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan, lồng ghép một số nội dung có liên quan đến hoạt động của khu công nghệ cao.

- Xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ.

- Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến xây dựng, góp dự thảo Nghị định; khảo sát các khu công nghệ cao, khảo sát các địa phương có định hướng đề xuất thành lập khu công nghệ cao.

- Để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành có liên quan đang được sửa đổi, bổ sung, cập nhật trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 3805/BKHCN-CNC ngày 16 tháng 12 năm 2020 gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo về việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao và đã được Lãnh đạo Chính phủ đồng ý lùi thời hạn trình Chính phủ dự thảo Nghị định tới Quý IV/2021 (*theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 10868/VPCP-KGVX ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ*).

- Đăng tải dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan về dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình. Tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đề Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Nghị định và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ theo quy định (*Bản giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định kèm theo*).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 7 Chương, 33 điều, cụ thể như sau:

- *Chương I - Những quy định chung*: gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3).

- *Chương II – Phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; thành lập, mở rộng khu công nghệ cao*: gồm 06 điều (từ Điều 4 đến Điều 9).

- *Chương III – Quy hoạch xây dựng, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao:* gồm 06 điều (từ Điều 10 đến Điều 15).

- *Chương IV – Các loại hình hoạt động trong khu công nghệ cao:* gồm 07 điều (từ Điều 16 đến Điều 22).

- *Chương V – Các chính sách đối với khu công nghệ cao:* gồm 04 điều (từ Điều 23 đến Điều 26).

- *Chương VI – Quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao:* gồm 04 điều (từ Điều 27 đến Điều 30).

- *Chương VII – Điều khoản thi hành:* gồm 03 điều (từ Điều 31 đến Điều 33).

2. Những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết một số nội dung của Luật Công nghệ cao, kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 99/2003/NĐ-CP đã được thực hiện thời gian qua cũng như loại bỏ các quy định không còn phù hợp với các quy định mới của pháp luật. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã bổ sung, cập nhật các quy định liên quan đến khu công nghệ cao trên cơ sở các quy định mới được sửa đổi, bổ sung của Luật Đầu tư năm 2020; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật Chuyên gia công nghệ năm 2017; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; Luật Đất đai năm 2013; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013... Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã quy định những nội dung chính như sau:

2.1. Chương I - Những quy định chung

Chương này gồm các quy định chung về: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; mục tiêu, nhiệm vụ khu công nghệ cao. Trong đó:

- Làm rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định gồm: phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; hoạt động của khu công nghệ cao; cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

- Giải thích một số từ ngữ cơ bản liên quan trực tiếp đến khu công nghệ cao; xác định mục tiêu, nhiệm vụ khu công nghệ cao căn cứ nội dung quy định khái quát về khu công nghệ cao nêu tại khoản 1 và 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao,

có xét đến việc phát triển các khu công nghệ cao trong thực tiễn và yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Việc đề xuất tiếp tục sử dụng khái niệm “khu công nghệ cao quốc gia” (trước đây được xác định tại Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030) nhằm khẳng định định hướng vai trò đầu tàu dẫn dắt của 03 khu công nghệ cao (Hòa Lạc, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng) đã được Nhà nước tập trung đầu tư (trong đó có một tỷ lệ không nhỏ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương) từ giai đoạn trước đây cũng như thể hiện chủ trương phát triển các khu công nghệ cao mới trong giai đoạn tới chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Do có sự khác biệt rất lớn về mô hình, tính chất hoạt động, vị trí, vai trò của loại hình khu công nghệ cao (theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao) so với loại hình khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao), Nghị định này không quy định việc áp dụng đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời, Nghị định này cũng không quy định liên quan đến khu công nghệ thông tin tập trung do loại hình khu này đã được điều chỉnh bởi Luật Công nghệ thông tin năm 2006 và Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.

2.2. Chương II – Phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; thành lập, mở rộng khu công nghệ cao

Chương này quy định cụ thể về: phương hướng xây dựng khu công nghệ cao, phương án phát triển khu công nghệ cao; điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao. Trong đó:

- Trước đây, Nghị định 99/2003/NĐ-CP chưa có hướng dẫn cụ thể đối với việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gây vướng mắc cho các địa phương đề xuất cũng như xử lý hồ sơ đề nghị đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Luật Công nghệ cao có quy định khái quát về thành lập khu công nghệ cao, thiếu quy định về mở rộng khu công nghệ cao trong khi đây là một nhu cầu thực tiễn.

- Nội dung phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng và phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh được xây

dựng nhằm phù hợp với quy định tại Luật Quy hoạch trong bối cảnh quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao theo Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sẽ được tích hợp vào quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (*không tiếp tục xây dựng quy hoạch riêng*).

- Liên quan đến thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao: Luật Công nghệ cao (*khoản 4 Điều 31*) quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động khu công nghệ cao. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định đề xuất đối với khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và/hoặc các nguồn huy động hợp pháp khác thì Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định đề án thành lập khu công nghệ cao, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của khu nhằm tạo cơ chế linh hoạt, thuận tiện trong việc xem xét thành lập các khu công nghệ cao mới.

2.3. Chương III - Quy hoạch xây dựng, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao

Chương này quy định cụ thể về: nguồn vốn đầu tư xây dựng khu công nghệ cao; quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao; bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư; chế độ quản lý, sử dụng đất đai khu công nghệ cao; phát triển và quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật; phát triển hệ thống tầng xã hội khu công nghệ cao. Trong đó:

Các quy định được xây dựng căn cứ các quy định pháp luật chuyên ngành về đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng có tính đến sự khác biệt về mô hình hoạt động và quy mô của khu công nghệ cao quốc gia và các khu công nghệ cao khác.

Về nguồn vốn đầu tư xây dựng khu công nghệ cao, trước đây, Nghị định 99/2003/NĐ-CP có xác định đối với khu công nghệ cao do nhà nước đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, vốn ngân sách nhà nước được bố trí cho một số nhiệm vụ cụ thể. Dự thảo Nghị định tiếp tục đề xuất đối với khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nhà nước bố trí vốn từ ngân sách để thực hiện một số hạng mục và đầu tư một số công trình cụ thể nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển khu. Đặc biệt, đề xuất đối với khu công nghệ cao quốc gia, ngân sách Trung ương bố trí tối thiểu 30% tổng kinh phí đầu tư xây dựng khu công nghệ cao căn cứ thực tế tỷ lệ nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương cấp đối với các khu công nghệ cao (*Hòa Lạc, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng*).

2.4. Chương IV – Các loại hình hoạt động trong khu công nghệ cao

Chương này quy định cụ thể về các loại hình hoạt động trong khu công nghệ cao trên cơ sở các hoạt động được nêu tại khoản 1 Điều 31 Luật Công nghệ cao, được làm rõ trong khái niệm khu công nghệ cao quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định cũng như phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của khu công nghệ cao, bao gồm: nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, thương mại hóa các sản phẩm công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung cấp dịch vụ công nghệ cao; chế xuất các sản phẩm công nghệ cao; cung ứng các dịch vụ cần thiết khác; quy định về quản lý các hoạt động đầu tư thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao.

Trước đây, tại Nghị định số 99/2003/NĐ-CP, các quy định đã xác định các loại hình doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, các loại hoạt động trong khu công nghệ cao, tuy nhiên chỉ có hoạt động/dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao là có tiêu chí/tiêu chuẩn cụ thể (*theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ*). Tại dự thảo Nghị định này, việc cụ thể hóa các loại hình hoạt động trong khu công nghệ cao (*các hoạt động này thể hiện dưới hình thức dự án đầu tư*) cũng như làm rõ khung tiêu chí đối với từng loại hình, tiêu chí cụ thể với một số loại hình (*giao Bộ Khoa học và Công nghệ quy định một số tiêu chí cụ thể*) sẽ đảm bảo đủ hành lang pháp lý thu hút đầu tư cho các loại hình dự án khác nhau vào khu công nghệ cao phục vụ mục tiêu phát triển khu công nghệ cao.

Dự thảo Nghị định này cũng quy định trong quá trình thẩm định cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao căn cứ mục tiêu, quy mô và nội dung cụ thể của dự án đầu tư, quyết định thời hạn hoạt động của dự án (*nhưng không vượt quá thời gian hoạt động quy định tại Luật Đầu tư*) để phù hợp với đặc điểm công nghệ của các dự án công nghệ cao cụ thể, đảm bảo tính tiên tiến, cập nhật của công nghệ sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất khu công nghệ cao.

2.5. Chương V – Chính sách đối với khu công nghệ cao

Chương này quy định cụ thể về: Cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển khu công nghệ cao; chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho dự án, doanh nghiệp khu công nghệ cao; ưu đãi liên quan đến hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh,

cư trú, tạm trú trong khu công nghệ cao; chính sách phát triển nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao.

Chương này quy định nguyên tắc xác định và áp dụng ưu đãi đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao. Do một số ưu đãi nổi trội về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Nghị định 04/2018/NĐ-CP và Nghị định 74/2017/NĐ-CP áp dụng đối với Khu Công nghệ cao Đà Nẵng và Khu Công nghệ cao Hòa Lạc là các quy định có tính đặc thù nên đề xuất tiếp tục áp dụng riêng, không đưa vào áp dụng chung tại Nghị định này.

2.6. Chương VI - Quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao

Chương này quy định cụ thể định về: nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao; xác định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao của các chủ thể có liên quan; quy định về cơ quan quản lý khu công nghệ cao; việc thanh tra, xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao.

Các chính sách xây dựng trong chương này đặc biệt tập trung vào vị trí, vai trò của cơ quan quản lý khu công nghệ cao (thông thường là Ban Quản lý khu công nghệ cao) liên quan đến nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao về các mặt: quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng của nhà đầu tư, của các dự án đầu tư, hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư, đầu tư, đất đai, môi trường, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, lao động, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ và an ninh trật tự, cư trú...; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính. Các quy định được xây dựng nhằm hướng tới sự thống nhất tương đối về mô hình tổ chức và hoạt động của các khu công nghệ cao; tăng cường thẩm quyền của cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

2.7. Chương VII - Điều khoản thi hành

Chương này quy định cụ thể về hiệu lực thi hành của Nghị định, quy định chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành Nghị định.

V. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

...

VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

...

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

(Sẽ được tổng hợp, bổ sung sau khi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân khác có liên quan)

VI. KIẾN NGHỊ

Việc ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ cao sẽ tạo hành lang pháp lý thống nhất cho hoạt động của các khu công nghệ cao, phù hợp với các quy định pháp luật mới được cập nhật, ban hành cũng như góp phần cải thiện môi trường, tăng cường thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển khu công nghệ cao trong thời gian tới. Theo đó, để tạo điều kiện hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ xem xét Hồ sơ trình dự thảo Nghị định gồm các tài liệu sau đây:

- (1) Tờ trình Chính phủ;
- (2) Dự thảo Nghị định;
- (3) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định;
- (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định;
- (5) Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định;
- (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định).

(Các tài liệu nêu trên sẽ tiếp tục được rà soát, chỉnh lý, cập nhật, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Nghị định).

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CNC, PC.

BỘ TRƯỞNG

Huỳnh Thành Đạt